

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

Số: 1379/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 18 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu nghỉ dưỡng phức hợp Enclave Phú Quốc (Khu 1 và Khu 3) tại xã Bãi Thơm, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô 196,64ha

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quy chuẩn xây dựng QCVN 01:2008/BXD ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 11/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng Kiên Giang tại Tờ trình số 885/TTr-SXD ngày 05/6/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu nghỉ dưỡng phức hợp Enclave Phú Quốc (Khu 1 và Khu 3) tại xã Bãi Thơm, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô 196,64ha với những nội dung như sau:

1. Phạm vi ranh giới: Phạm vi nghiên cứu lập Quy hoạch phân khu xây dựng Khu nghỉ dưỡng phức hợp Enclave Phú Quốc (Khu 1 và Khu 3) thuộc xã Bãi Thơm, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, được xác định như sau:

- Khu 1:

+ Phía Đông giáp biển.

+ Phía Tây giáp Vườn Quốc gia Phú Quốc.



- + Phía Nam giáp lạch nước cầu C.33.
- + Phía Bắc giáp khu vực quy hoạch đất du lịch (theo Quy hoạch chung xây dựng).

- Khu 3:

- + Phía Đông giáp biển.
- + Phía Tây giáp Vườn Quốc gia Phú Quốc.
- + Phía Nam giáp bên phà Thanh Thới.
- + Phía Bắc giáp lạch nước cầu C.28.

2. Diện tích: Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch phân khu xây dựng rộng 196,64ha (trong đó, Khu 1 rộng 26,82ha và Khu 3 rộng 169,82ha).

3. Tính chất: Là khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng và giải trí với các loại hình resort nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp, vui chơi giải trí, thể thao biển... khu dân cư.

4. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật

4.1. Chỉ tiêu cơ bản về dân số

- Dân số dự kiến 5.000 - 6.000 người.
- Khách du lịch dự kiến 3.000 - 4.000 người.

4.2. Chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất quy hoạch xây dựng

- Mật độ xây dựng gộp tối đa của khu du lịch sinh thái 20%.
- Mật độ xây dựng gộp tối đa của đơn vị ở là 60%.
- Tầng cao xây dựng tối đa 08 tầng.

4.3. Các chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng kỹ thuật

- Cấp nước:

- + Sinh hoạt: 150 lít/người-ngđ.
- + Du lịch: 300 lít/người-ngđ.
- + Công trình công cộng và dịch vụ: Tối thiểu 2 lít/m² sàn-ngđ.

- Cấp điện:

- + Sinh hoạt: 3-5kW/hộ.
- + Du lịch: 3kW/phòng.
- + Công trình công cộng, dịch vụ: 30-50W/m² sàn.
- Thu gom nước thải sinh hoạt: $\geq 80\%$ lượng nước cấp.

- Lượng thải chất thải rắn:

- + Sinh hoạt: 1,2 kg/người-ngày.
- + Du lịch: 2 kg/người-ngày.

5. Cơ cấu sử dụng đất

Tổng diện tích khu đất lập quy hoạch phân khu xây dựng (Khu 1 và Khu 3) rộng 196,64ha, được cơ cấu sử dụng như sau:

Stt	Chức năng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất đơn vị ở (Khu 3)	49,01	24,9
1	Đất ở	33,92	17,3
2	Đất dịch vụ công cộng	2,22	1,1
3	Đất cây xanh	1,27	0,6
4	Đất giao thông nội bộ, bãi xe	11,6	5,9
B	Đất du lịch nghỉ dưỡng	147,63	75,1
I	Khu 1	26,82	13,6
1	Đất dịch vụ du lịch	20,15	10,2
2	Đất cây xanh quảng trường, vườn hoa, cây xanh cảnh quan	3,12	1,6
3	Đất bãi cát	0,17	0,1
4	Đất giao thông, HTKT, bãi xe	3,38	1,7
II	Khu 3	120,81	61,5
1	Đất dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng biển	47,09	23,9
2	Đất vui chơi, giải trí, thể thao	12,1	6,2
3	Đất trục tuyến đi bộ, quảng trường	3,17	1,6
4	Đất bến du thuyền	1,69	0,86
5	Đất cây xanh cảnh quan	27,08	13,8
6	Đất bãi cát	0,71	0,4
7	Mặt nước (sông, suối...)	14,08	7,16
8	Đất giao thông, đầu mối HTKT, bãi xe	14,89	7,57
	Tổng cộng	196,64	100

6. Quy hoạch sử dụng đất các chức năng

Stt	Chức năng	Ký hiệu	Diện tích đất (ha)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao xây dựng tối đa	Hệ số sử dụng đất
A	Đất đơn vị ở (Khu 3)		49,01			
1	Đất ở		33,92			
		O-1	1,81	60	3	1,8
		O-2	0,48			
		O-3	2,47			
		O-4	0,59			
		O-5	0,44			
		O-6	0,60			

		O-7	0,42			
		O-8	0,76			
		O-9	1,01			
		O-10	0,49			
		O-11	0,99			
		O-12	1,02			
		O-13	1,56			
		O-14	2,98			
		O-15	0,71			
		O-16	0,49			
		O-17	0,44			
		O-18	0,41			
		O-19	0,43			
		O-20	1,17			
		O-21	0,98			
		O-22	1,86			
		O-23	1,01			
		O-24	0,61			
		O-25	0,59	40		1,2
		O-26	0,51			
		O-27	1,62			
		O-28	1,48			
		O-29	2,62			
		O-30	0,51			
		O-31	0,24			
		O-32	1,01			
		O-33	0,34	60		1,8
		O-34	0,17			
		O-35	0,31			
		O-36	0,54			
		O-37	0,25			
2	Đất dịch vụ công cộng		2,22			
2.1	Trường THCS, tiểu học	TH	1,09	35	3	1,05
2.2	Trường mầm non	MG	0,53	35	2	0,7
2.3	Công trình công cộng		0,60			
		CC-1	0,29			
		CC-2	0,14	30	2	0,6
		CC-3	0,17			
3	Đất cây xanh		1,27			
		CX-1	0,60			
		CX-2	0,18	5	1	0,05
		CX-3	0,17			

		CX-4	0,32			
4	Đất giao thông nội bộ, bãi xe		11,6			
	Giao thông	GT	11,23			
	Bãi xe		0,37			
		BX-3	0,22	5	1	0,05
		BX-4	0,15			
B	Đất du lịch nghỉ dưỡng		147,63			
I	Khu 1		26,82			
1	Đất dịch vụ du lịch		20,15			
		DV-1	7,08	30	3	0,9
		DV-2	7,35		5	1,5
		DV-3	5,72		8	2,4
2	Đất cây xanh quảng trường, vườn hoa, cây xanh cảnh quan		3,12			
2.1	Đất cây xanh quảng trường, vườn hoa		1,11			
		CXVH-1	0,52			
		CXVH-2	0,59			
2.2	Đất cây xanh cảnh quan		2,01			
		CXCQ-1	0,39			
		CXCQ-2	0,23			
		CXCQ-3	0,45			
		CXCQ-4	0,94			
3	Đất bãi cát		0,17			
4	Đất giao thông, HTKT, bãi xe		3,38			
4.1	Giao thông	GT	2,82			
4.2	Hạ tầng kỹ thuật	HT	0,05	5	1	0,05
4.3	Bãi xe	BX	0,51			
II	Khu 3		120,81			
1	Đất dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng biển		47,09			
1.1	Dịch vụ du lịch		34,51			
		DV-4	4,75	35	5	1,75
		DV-5	6,60		8	2,8
		DV-6	9,82	50	8	4

		DV-7	7,33			
		DV-8	3,92			
		DV-9	2,09	35	3	1,05
1.2	Cây xanh, hoạt động du lịch thể thao, cắm trại	CT	3,48			
1.3	Thương mại dịch vụ		13,85			
		TM-1	5,31			
		TM-2	8,54	30	3	0,9
2	Đất vui chơi- giải trí, thể thao		12,10			
	Khu vui chơi - giải trí, thể thao	VCGT-1A	9,67	25	2	0,5
		VCGT-1B	2,43			
3	Đất trực tuyến đi bộ, quảng trường	TCQ-1A	3,17			
4	Đất bến du thuyền	MR-1A	1,69			
5	Đất cây xanh cảnh quan		27,08			
		CXCQ-5	2,43			
		CXCQ-6	2,15			
		CXCQ-7	1,11			
		CXCQ-8	1,34			
		CXCQ-9	1,75			
		CXCQ-10	0,63			
		CXCQ-11	1,02			
		CXCQ-12	1,10			
		CXCQ-13	0,69			
		CXCQ-14	1,49			
		CXCQ-15	0,49			
		CXCQ-16	4,39			
		CXCQ-17	3,19			
		CXCQ-18	1,03			
		CXCQ-19	1,50			
		CXCQ-20	1,91			
		CXCQ-21	0,19			
		CXCQ-22	0,28			
		CXCQ-23	0,23			
		CXCQ-24	0,16			
6	Đất bãi cát		0,71			



		BC-2	0,25			
		BC-3	0,13			
		BC-4	0,33			
7	Mặt nước (sông, suối...)		14,08			
		MN-1	1,60			
		MN-2	0,08			
		MN-3	0,12			
		MN-4	0,24			
		MN-5	2,47			
		MN-6	6,14			
		MN-7	2,66			
		MN-8	0,33			
		MN-9	0,44			
8	Đất giao thông, HTKT, bãi xe		14,89			
8.1	Giao thông	GT	13,47			
8.2	Hạ tầng kỹ thuật	HT-2	0,51	5	1	0,05
8.3	Bãi xe	BX-2	0,91			
	Tổng cộng		196,64			

7. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc

Khu vực quy hoạch phân khu được phân thành 2 khu chính gồm Khu 1 và Khu 3 được kết nối bằng tuyến đường vòng quanh đảo (*Tỉnh lộ 48*) cụ thể:

- Khu 1: Phân khu nghỉ dưỡng và dịch vụ du lịch, nằm ở phía Bắc gồm phần đất liền và một phần đảo Hòn Một (*trừ phần diện tích đất quân sự*).

+ Phần đất liền tổ chức các loại hình dịch vụ như tổ hợp khách sạn, dịch vụ du lịch,...

+ Đảo Hòn Một được kết nối với phần đất liền bằng cầu cảnh quan, khu vực này tổ chức chủ yếu gồm tổ hợp công trình dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng với mật độ xây dựng thấp hài hòa không gian tự nhiên.

- Khu 3: Nằm ở phía Nam khu quy hoạch. Tuyến đường đối ngoại là đường vòng quanh đảo (*đoạn đường qua khu quy hoạch*), trên đoạn tuyến này hình thành các đường nhánh để tổ chức liên kết các khu chức năng như: Khu dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, đơn vị ở... cụ thể:

+ Khu ở bố trí phía Đông và Tây để khai thác đa dạng các loại hình ở, kết hợp nghỉ dưỡng, đồng thời bố trí các công trình công cộng thiết yếu như y tế, giáo dục, công viên cây xanh... với quy mô và bán kính đảm bảo phục vụ cho các nhóm ở.



+ Khu dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng bố trí chủ yếu ở phía Đông Nam gồm các loại hình như: Dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, thương mại,... Hình thành trục đi bộ từ tuyến đường chính (*đường vòng quanh đảo, đoạn qua khu quy hoạch*) bao gồm phố đi bộ (*kết nối các khách sạn, khu mua sắm cao cấp...*) và quảng trường hướng biển.

+ Khu vui chơi - giải trí, thể thao nằm ở trung tâm lõi gồm các loại hình như: Các trò chơi giải trí, biểu diễn nghệ thuật...

- Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch xây dựng toàn khu đảm bảo theo Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị đảo Phú Quốc.

- Phạm vi đường hành lang ven biển được xác định đảm bảo thống nhất quản lý với khu vực các dự án liền kề (*khu vực Bãi Thơm*) đồng thời được kiểm soát theo Luật tài nguyên biển và hải đảo và các quy định hiện hành.

- Các công trình chức năng được thể hiện cụ thể trong sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan của đồ án quy hoạch phân khu.

Riêng đối với Khu 2 (*khoảng 142ha*) hiện nay chưa xem xét chủ trương đầu tư, sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc (*từ đất nông nghiệp sang đất du lịch*) sẽ được nghiên cứu lập quy hoạch phân khu xây dựng để tổ chức đầu nối liên kết với Khu 1 và Khu 3 và xem xét chủ trương đầu tư.

8. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

8.1. Giao thông

a. Giao thông đối ngoại

- Giao thông đường bộ: Tuyến đường quanh đảo, theo quy hoạch chung có lộ giới 20m, trong đó mặt đường 7,5m, lề đường $6,25 \times 2 = 12,5\text{m}$, đoạn qua khu vực thiết kế được điều chỉnh quy mô và hướng tuyến cho phù hợp với khu vực quy hoạch. Lộ giới mở rộng lên thành 25,5m (*mặt cắt A-A*). Trong đó: Giữ nguyên phần đường dành cho xe chạy theo quy hoạch chung, lòng đường chính dành cho xe chạy thông suốt trên tuyến 7,5m, bổ sung thêm làn đường gom hai bên để tách luồng giao thông chính và giao thông khu vực quy hoạch $4 \times 2 = 8\text{m}$; dải phân cách giữa đường chính và đường gom $1 \times 2 = 2\text{m}$; vỉa hè $4 \times 2 = 8\text{m}$.

- Giao thông đường thủy: Đề xuất bến du thuyền nằm ở phía Nam khu vực quy hoạch, cạnh phà Thạnh Thới. Bến được xây dựng với mục tiêu là bến hành khách của nhiều tuyến du lịch trên biển, phục vụ neo đậu cano, du thuyền, tàu thuyền... cung cấp các dịch vụ vui chơi giải trí đường biển.

b. Giao thông đối nội

- Mặt cắt 1-1: Quy mô mặt cắt ngang đường rộng 10m: Lòng đường 6m; vỉa hè: $2 \times 2 = 4\text{m}$.

- Mặt cắt 2-2: Quy mô mặt cắt ngang đường rộng 15m: Lòng đường 9m; vỉa hè: $3 \times 2 = 6\text{m}$.

- Mặt cắt 3-3: Quy mô mặt cắt ngang đường rộng 24m: Lòng đường $2 \times 6 = 12\text{m}$; vỉa hè: $2 \times 2 = 4\text{m}$; dải phân cách giữa 8m.

- Giao thông công cộng: Sử dụng hệ thống giao thông công cộng của đảo, gồm: Tuyến đường xe buýt chính trên đảo, tuyến đường xe buýt Seaview 2 tầng chạy điện.

- Bãi đỗ xe: Bố trí 04 bãi đỗ xe tập trung dọc các tuyến đường chính của khu quy hoạch.

8.2. San nền và thoát nước mưa

a. San nền

- San nền cục bộ cho từng nhóm công trình: Khu vực ven biển cao độ hiện trạng thấp hơn $+3.0\text{m}$ sẽ tôn nền đến cao độ khống chế $H_{xd} \geq +3.0\text{m}$; các khu vực có cao độ hiện trạng $\geq +3.0\text{m}$ sẽ san gạt cục bộ để tạo mặt bằng xây dựng nhưng đảm bảo độ dốc dọc của nền xây dựng để thoát nước tự chảy.

- Những khu vực dự kiến phát triển nằm trên sườn đồi phải có biện pháp kè, tường chắn, taluy chống sạt lở gây hại cho công trình.

- Tại các ngã ba, ngã tư được thiết kế cao độ, hướng dốc nền về phía các trục đường giao thông và độ dốc đạt từ $\geq 0,004$.

- Khối lượng đất đắp là 389.825m^3 , khối lượng đất đào hồ dự kiến 71.424m^3 . Nguồn vật liệu san lấp tại chỗ và vận chuyển từ nơi khác đến.

b. Thoát nước mưa:

- Sử dụng cống thoát nước mưa riêng hoàn toàn, hoạt động với chế độ tự chảy. Mạng lưới: Phân tán theo từng lưu vực nhỏ.

- Hướng thoát nước chính: Ra suối Đá Vàng, suối Đồn và một số suối theo hướng Đông Tây sau đó thoát ra biển.

- Nước mưa chảy từ các ô đất, các công trình vào giếng thu nước mưa, sau đó chảy vào hệ thống cống nhánh, cống chính đặt dưới lòng đường và được thoát ra trục tiêu hở theo hướng Đông Tây, sau đó thoát ra biển.

- Bố trí cống thoát nước mưa nằm giữa lòng đường giao thông kết hợp hệ thống giếng thu, thu nước từ các ô đất về hệ thống cống chính sau đó thoát về các suối chính và thoát ra biển.

- Mở rộng thêm các trục tiêu hở tăng khả năng tiêu thoát, tận dụng khu vực có cao độ nền thấp và bằng phẳng xây dựng các hồ cảnh quan kết hợp điều hòa phía cuối các con suối nhằm điều hòa nước tạo cảnh quan cho khu vực và giữ nước cho mùa khô.

- Bố trí các đập tràn phía cuối các con suối. Khi có mưa, lượng nước trong hồ lớn sẽ tràn hoặc xả ra phía biển; vào mùa khô đóng cửa cống ngăn để tích giữ nước cho hồ.

- Khối lượng vật tư và giải pháp mạng lưới thoát nước mưa và san nền được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch.

8.3. Cấp điện và chiếu sáng

- Tổng phụ tải yêu cầu khu vực quy hoạch giai đoạn định hình là 24,5MW, tổng phụ tải tương đương 29MVA.

- Nguồn điện: Trạm 110/22kV Phú Quốc hiện có công suất 40MVA, dài hạn 2x40MVA.

- Lưới điện:

+ Hạ ngầm tuyến điện nổi 22kV hiện có từ trạm 110kV Phú Quốc đến trong ranh giới và xây dựng mới 01 tuyến cáp ngầm 22kV đi song song với tuyến cáp ngầm dọc 02 bên đường trục chính.

+ Lưới hạ thế có cấp điện áp 380/220V, đi ngầm.

+ Trong khu ở, trên trục đường, công viên, các đường khu vực trong khu ở sử dụng lưới điện chiếu sáng đi ngầm. Nguồn cấp cho lưới điện chiếu sáng được lấy từ tủ hạ áp của các trạm biến áp công cộng khu vực gần nhất.

+ Trạm hạ thế: Cấp điện áp của trạm hạ thế theo tiêu chuẩn là 22/0,4kV. Vị trí các trạm hạ thế được lựa chọn gần trung tâm phụ tải dùng điện với bán kính phục vụ nhỏ hơn hoặc bằng 300m.

- Khối lượng vật tư và giải pháp mạng lưới điện được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch.

8.4. Cấp nước

- Tổng nhu cầu cấp nước: 6.200 m³/ngđ. Trong đó:

+ Nước cấp cho sinh hoạt: 5.000 m³/ngđ.

+ Nước tưới cây, rửa đường: 1.200 m³/ngđ.

- Nguồn nước: Nước sinh hoạt được cấp từ mạng lưới cấp nước Phú Quốc qua ống D250mm từ nhà máy nước Rạch Tràm (*để xuất tăng kích thước tuyến ống cấp nước dẫn nước từ trạm cấp nước hồ Rạch Tràm về từ D200mm lên D250mm*). Nước cấp cho tưới cây dự kiến cấp từ các hồ chứa, các con suối trong khu vực, nước tái sử dụng từ trạm xử lý nước thải.

- Xây dựng trạm bơm tăng áp công suất 5.000 m³/ngđ lấy nước từ tuyến ống cấp nước D250mm. Trạm bơm tăng áp đặt tại phía Bắc.

- Mạng lưới cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp mạng nhánh đảm bảo cấp nước đến các khu chức năng.

- Bố trí họng cứu hỏa trên tuyến ống cấp nước có đường kính ống \geq D100mm với khoảng cách giữa các họng cứu hỏa 150m.

- Khối lượng vật tư và giải pháp mạng lưới cấp nước thể hiện trong bản vẽ quy hoạch.

8.5. Thoát nước thải và thu gom chất thải rắn

- Lượng rác thải sinh hoạt ước tính khoảng: 4.000 m³/ngđ.

- Tuân thủ quy hoạch chung, sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

- Thu gom kết hợp giữa phân tán và tập trung để phù hợp với phân đợt xây dựng và thực tế phát sinh. Đối với hệ thống thu gom nước thải trong khu vực quy hoạch cần chia thành nhiều tiểu lưu vực, phù hợp với địa hình tự nhiên. Mỗi lưu vực được kết thúc bằng 01 trạm bơm chuyển, liên kết toàn hệ thống đưa nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung của khu quy hoạch. Hệ thống cống chính và công trình đầu mối đủ để chuyển tải công suất tối thiểu 5.000 m³/ngđ cho khu vực quy hoạch và có dự phòng cho đầu nổi khu vực ngoài.

- Trong giai đoạn đầu khi khu vực Đông Bắc đảo chưa phát triển, nước thải phát sinh chưa lớn, bản thân Khu phức hợp Enclave chưa hình thành đầy đủ, tại vị trí các trạm bơm đề xuất có thể xây dựng các bể xử lý nước thải quy mô vừa và nhỏ, xử lý cục bộ nước thải tại các tiểu lưu vực. Vị trí quy mô các công trình xử lý nước thải cục bộ sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn dự án, khi xác định được cụ thể nhu cầu sử dụng nước của các công trình.

- Riêng khu vực đảo Hòn Một, do địa hình phân tách với đất liền, xây dựng bể xử lý nước thải cục bộ với công suất 150 m³/ngđ.

* Xử lý nước thải

- Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung dự kiến áp dụng công nghệ xử lý nước thải sinh học nhân tạo qua bể aeroten. Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Trạm xử lý nước thải có công suất tối thiểu 5.000 m³/ngđ, đảm bảo công suất cho toàn khu vực quy hoạch và dự phòng cho nhu cầu kết nối bên ngoài.

- Bố trí hồ chứa nước sau xử lý: Nước thải sau xử lý không được phép xả trực tiếp ra bờ biển mà cần lưu giữ trong hồ. Kết hợp chức năng hồ cảnh quan và hồ chứa nước thải sau xử lý. Nước trong hồ sau xử lý có thể sử dụng phục vụ mục đích tưới cây, rửa đường, dự phòng cứu hỏa, phục vụ nông nghiệp... giảm áp lực cung cấp nước sạch cho khu vực quy hoạch.

* Thu gom chất thải rắn

- Tổng lượng rác thải khoảng 20 tấn/ngđ.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phân loại sơ cấp tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ.

- Chất thải rắn y tế: Phân loại tại nguồn.

- Chất thải rắn sau khi thu gom định kỳ được vận chuyển về khu xử lý rác tập trung của toàn đảo.

- Khối lượng vật tư và giải pháp mạng thoát nước thải và thu gom chất thải rắn được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch.

8.6. Thông tin liên lạc

- Tổng nhu cầu của khu vực khoảng 12.000 lines.

- Nguồn cấp: Host Phú Quốc thông qua tuyến cáp dọc Tỉnh lộ 48.

- Mạng ngoại vi: Xây mới 7 tuyến cáp đơn mode 16 sợi từ đường cáp chính chạy dọc các trục đường cáp cho các tủ cáp trong khu vực. Xây dựng hệ thống công bể trong khu vực quy hoạch theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi theo quy định.

- Khối lượng vật tư và giải pháp mạng thông tin liên lạc được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch.

Điều 2. Giao cho Trung tâm Quy hoạch Xây dựng - Sở Xây dựng Kiên Giang phối hợp với Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư DTH, Công ty Cổ phần Xuân Thành Phú Quốc, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, UBND huyện Phú Quốc và các sở, ngành liên quan:

- Hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố công khai Quy hoạch phân khu xây dựng; tổ chức lập, phê duyệt hồ sơ mốc giới làm cơ sở triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa để các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan biết và giám sát thực hiện.


- Tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng theo Đồ án quy hoạch phân khu được duyệt; tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Du lịch; Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc; Chủ tịch UBND huyện Phú Quốc; Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *me*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng (10 bản);
- LĐVP, P.KTTH, P.KTCN;
- Lưu: VT, kttanh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

me
Mai Anh Nhị